

CÂU MỆNH LỆNH – CÂU ĐIỀU KIỆN

Mệnh lệnh, yêu cầu, lời mời mọc, lời khuyên, lời gợi ý. (Commands, requests, invitations, advice, suggestions)

1. Cách dùng mệnh lệnh cách

A. Mệnh lệnh cách ở ngôi thứ hai:

1. Cách này có cùng hình thức với nguyên mẫu:

Hurry! (Mau lên đi!)

Wait! (Đợi đã!)

Stop! (Dừng lại!)

Với thể phủ định ta đặt do not (don't) vào trước động từ:

Don't hurry up! (Đừng có vội!)

2. Người nhận lệnh thường không được đề cập đến nhưng có thể diễn đạt bằng một danh từ đặt ở cuối cụm từ:

Eat your dinner, boys!! (Ăn cơm đi các cậu)

Be quiet, Tom. (Im lặng nào, Tom)

Các danh từ này có thể được đặt trước động từ, nhưng cách dùng này rất hiếm.

Đại từ you hiếm khi được dùng trừ khi người nói tỏ thái độ thô bạo hoặc muốn phân biệt rõ ràng, ví dụ:

You go on. I'll wait.

3. do có thể được đặt trước mệnh lệnh khẳng định:

Do hurry! (Nhanh lên nào!)

Do be quiet! (Im lặng cái coi!)

Từ do này có thể là từ cầu khiến, mà cũng có thể là từ tỏ thái độ bức bối

B. Mệnh lệnh cách ở ngôi thứ nhất:

Hình thức

Let us (let's) + nguyên mẫu không to:

Let us stand together in this emergency.

(Chúng ta hãy chung sức nhau trong lúc khẩn cấp này)

Với thể phủ định ta đặt not vào trước nguyên mẫu động từ:

Let us not be alarmed by rumours.

(Chúng ta hãy bỏ ngoài tai mấy lời đồn ấy đi)

Nhưng trong tiếng Anh thông tục ta có thể đặt don't vào trước let's:

Don't let's be alarmed by rumours.

Bằng cách dùng let us (let's) người nói có thể hỏi thúc người nghe hành động, hoặc diễn đạt một quyết định, hoặc đưa ra một lời gợi ý (xem 289)

C. Mệnh lệnh cách ở ngôi thứ ba:

Hình thức:

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

Let him/ her/ it them + nguyên mẫu không có to (Xem 322)

Let them go by train (Hãy để họ đi bằng xe lửa)

Trong tiếng Anh hiện đại thì đây không phải là cấu trúc thường dùng lắm. Ta thường nói:

They are to go/ must go by train. (Họ phải đi bằng xe lửa)

Thể phủ định dạng let him/ her/ it/ them + phủ định nguyên mẫu không được dùng trong tiếng Anh hiện đại. Thay vào đó ta dùng must not/is/ are not to:

They must not / are not to go by air.

(Họ không được đi bằng máy bay)

2. Các cách diễn đạt khác của mệnh lệnh

A. Chủ từ + shall cho mệnh lệnh ngôi thứ ba (trong văn viết tiếng Anh)

Shall có thể được dùng trong văn bản quy định rất nghiêm túc thường có hiệu lực lâu dài. Cách dùng này rất thường thấy ở dạng bị động (xem 234)

The Chairman, Secretary, and Treasurer shall be elected annually.

(Chủ tịch, thư ký và thủ quỹ sẽ được bầu mỗi năm) (quy định câu lạc bộ)

A record shall be kept of the number of students attending each class. (Sổ sách sinh viên dự học mỗi lớp sẽ được giữ lại)

B. Chủ từ + will dùng chủ yếu cho mệnh lệnh ở ngôi thứ ba:

When the alarm rings passengers and crew will assemble at their boat stations.

(Khi chuông báo động reo thì tất cả hành khách và thủy thủ đoàn phải tập trung tại vị trí của họ trên tàu) (Quy định trên tàu)

Đây là một kiểu mệnh lệnh hình thức, vô ngôi và cưỡng bách, ám chỉ rằng người ra lệnh hoàn toàn tin chắc rằng ông ta sẽ được tuân theo. Nó được dùng chủ yếu trong các văn bản do những người có quyền lực viết chẳng hạn như thuyền trưởng, sĩ quan quân đội, hiệu trưởng trường học, huấn luyện viên thể thao. v.v...

The team will report to the gymnasium for weight – lifting training.

(Toàn đội sẽ phải có mặt tại phòng thể dục để tập cử tạ)

Lưu ý rằng nếu ta dời will ra trước chủ từ thì câu mệnh lệnh sẽ biến thành câu yêu cầu.

Có thể dùng you will cho các mệnh lệnh trong văn nói:

You will not mention this meeting to any one.

(Cậu không được cho ai biết về cuộc họp mặt này đây)

Nhưng dùng must có thể có vẻ thông dụng hơn và lịch sự hơn.

You must not mention this meeting to any one.

(Cậu không được cho ai biết về cuộc họp mặt này đây)

C. Lời yêu cầu thường được trình bày như bốn phần bởi must

You must not smoke in the petrol store.

(Bạn không được hút thuốc trong cửa hàng xăng dầu)

Passengers must cross the line by the footbridge.

(Hành khách phải vượt qua đường ranh bằng chiếc cầu nhỏ cho người đi bộ)

Dogs must be kept on leads in this area.

(Trong khu vực này chó phải được cột dây lại)

D. Cấu trúc be + nguyên mẫu có thể chuyển tải ý chỉ dẫn hoặc sắp đặt.

You are to report for duty immediately.

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

(Cậu phải trình diện để nhận nhiệm vụ ngay bây giờ)

The switchboard is to be manned at all times.

(Tổng đài phải luôn luôn được cất người túc trực)

E. Lời cấm đoán có thể được diễn đạt trong lời chỉ dẫn bởi may not.

Candidates may not bring text books into the examination room.

(Các thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi)

3. Lời yêu cầu đối với can/ could/ may/ might I/ we

A. Can/ could/ may/ might I/ we + have + danh từ/ đại từ. Can là thông tục nhất:

a) “Can I have a sweet?” said the little boy.

(Cho con một viên kẹo nhé bố)

Can I/ we khi được dùng bởi người lớn, nghe có vẻ tự tin hơn could I/ we

Could I, we là dạng thông dụng nhất:

b) Could I have a cup of tea? (Cho tôi một ly trà nhé?)

Could I have two tickets, please? (Cho tôi hai vé, được chứ?)

may và might thì trình trọng hơn could nhưng lại có thể được dùng cả trong văn nói lẫn văn viết tiếng Anh:

c) May/ might I have a copy of the letter?

(Cho tôi một bản sao của lá thư nhé?)

Các lời yêu cầu này thường được nói gián tiếp bằng cấu trúc ask + (túc từ gián tiếp + for + túc từ)

The little boy asked (me) for a sweet.

(Đứa bé đòi tôi cho một viên kẹo)

He asked for a copy of the letter.

(Ông ta yêu cầu một bản sao của lá thư.)

Nhưng câu (c) cũng có thể được nói lại:

He asked if he might have a copy the letter.

(Ông ta yêu cầu xem ông ta có được một bản sao của lá thư không)

B. Cấu trúc can/ could/ may/ might I/ we + động từ

Xem sự khác nhau giữa hai cấu trúc này ở phần A.

Các cấu trúc này có thể là lời xin phép (xem 131) nhưng với một số động từ nhất định, như see, speak (to), talk (to), chúng có thể là các lời yêu cầu bình thường:

May/ could I see Mr Jones? (Tôi gặp ông Jones được không?)

= I would like to see Mr Jones. (Tôi muốn gặp ông Jones)

Lời yêu cầu kiểu này được nói gián tiếp bằng cấu trúc: ask to see/ to speak to....:

I asked to see Mr Jones. (Tôi yêu cầu được gặp ông Jones.)

Đừng đặt danh từ/ đại từ sau ask, vì điều này sẽ làm thay đổi nghĩa (xem 243B)

Trong tiếng Anh thông tục ta cũng có thể dùng ask for + tên gọi ... đặc biệt là tường thuật về cú điện thoại :

Người gọi:

Could I speak to the secretary, please?

(Làm ơn cho tôi nói chuyện với thư ký được không?)

= She asked for the secretary/ to speak to the secretary.

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

(Cô ấy yêu cầu được nói chuyện với thư ký)

C. Lời yêu cầu kiểu could/ might I/ we có thể theo sau do you think/ I wonder (ed)/ was wondering if. Các từ này làm cho các lời yêu cầu kém tự tin hơn:

I wonder/ was wondering if I could have tomorrow off.

(Không biết ngày mai tôi có nghỉ được không?)

Do you think I could speak to the secretary?

(Theo anh tôi có thể nói chuyện với thư ký được không?)

Lưu ý sự thay đổi từ động từ nghi vấn sang khẳng định (xem 104)

4. Lời yêu cầu với could/ will/ would you v.v...

Các dạng có đánh dấu (*) xem dưới đây.

A. Could you (*) là dạng yêu cầu rất hữu dụng

Could you please show me the way?

(Xin vui lòng cho tôi hỏi thăm đường)

possibly được thêm vào để diễn tả yêu cầu phụ thêm:

Could you possibly lend me £ 500?

(Anh có thể cho tôi mượn 500 bảng không?)

Couldn't diễn tả người nói hy vọng câu trả lời thuận lợi hơn:

I can't wait – Couldn't you wait five minutes?

(Tôi không thể đợi—Bộ cậu không đợi được năm phút sao?)

You couldn'tcouldn't you? có thể dùng diễn tả lời yêu cầu không mấy hy vọng:

You couldn't wait five minutes, could you?

(Cậu không đợi được năm phút nữa hay sao?)

You couldn't give me a hand with this, could you?

(Cậu không thể giúp tôi một tay được à?)

B. Will/ would you (*) (please):

Will / would you please count your change?

(Xin ông vui lòng đếm lại tiền thối)

Would you (please) có cùng nghĩa với could. Will you nghe có vẻ uy quyền hơn và do đó kém lịch sự hơn. Will/ would you có thể được đặt ở cuối câu:

Shut the door, will you? (Anh đóng cửa lại, được chứ?)

Nhưng dạng này chỉ có thể được dùng trong các tình huống hết sức thân tình, nếu không nó sẽ nghe có vẻ rất thô bạo.

Will/ would cũng có thể được dùng cho lời yêu cầu ở ngôi thứ ba:

Would Mr Jones, passenger to Leeds, please come to the Enquiry Desk? (Xin mời ông Jones, hành khách đi Leeds vui lòng đến bàn chỉ dẫn)

Will anyone who saw the accident please phone this number....?

(Nếu có ai chứng kiến tai nạn xin vui lòng gọi điện về số này....) (thông báo của cảnh sát)

C. You'll won't you? là một kiểu câu cầu khiến được dùng chủ yếu giữa bạn bè với nhau:

You'll write to me, won't you? (Cậu sẽ viết thư cho tớ chứ?)

D. Would you mind + gerund

Would you mind moving your car?

(Ông dời xe đi chỗ khác được chứ?)

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

E. Perhaps you would nói lên sự tin chắc rằng người khác sẽ thực hiện việc này. Nó không được dùng ở đầu thư hoặc cuối nói chuyện, mà chỉ được dùng sau đó.

Perhaps you would let me know when your new stock arrives = Please let me know when your new stock arrives.

(Xin vui lòng cho tôi biết khi nào đợt hàng mới của anh tới nhé)

F. If you would là dạng yêu cầu hữu dụng nhất. Nó được dùng trong văn nói tiếng Anh khi người nói tin chắc rằng các lời yêu cầu thường nhật của mình được tuân theo:

If you'd fill up this form/ take a seat/ wait a few minutes.

(Xin mời ông điền vào bảng này/ ngồi nghỉ/ đợi cho vài phút)

If you'd sign the register/ follow the porter.

(Xin mời ông ký tên vào sổ/ đi theo người khuân vác)

just có thể được điền vào để diễn tả rằng hành động được yêu cầu rất dễ thực hiện:

If you's just put your address on the back of the cheque.

(Xin ông chỉ cần ghi địa chỉ vào sau lưng tờ séc)

G. Would you like to? cũng là một dạng yêu cầu có thể dùng được:

Would you like to take a seat? = Please take a seat.

(Xin mời ông ngồi)

H. I should/ would be very grateful if you would là dạng yêu cầu được dùng chủ yếu trong thư từ nhưng cũng có thể dùng trong văn nói:

I should be very grateful if you would let me know if you have any vacancies. (Tôi sẽ rất biết ơn nếu ông cho tôi biết ông còn chỗ làm nào trống không?)

I. Would you be good/ kind enough to keep me informed?

(Anh có thể vui lòng thông báo cho tôi biết không?)

Would you be so kind as to keep me informed?

J. I wish you would có thể là một dạng yêu cầu. Đôi khi nó ám chỉ rằng người nghe nên giúp hoặc giúp hoặc đề nghị được giúp hoặc đề nghị được giúp (xem 301)

I wish you'd give me a hand. (Anh giúp tôi một tay nhé)

K. Các dạng có đánh dấu (*) của would và could có thể mở đầu bởi các cụm từ như do you think? I wonder (ed) if / I was wondering if (xem 104)

Do you think you could lend me £500?

(Anh nghĩ anh có thể cho tôi mượn 500 bảng được không?)

5. Lời yêu cầu với might.

A. You might có thể diễn đạt một lời yêu cầu rất bình thường.

You might post these for me.

(Nhờ cậu bỏ bưu điện những cái này giùm tôi)

Nhưng nó chỉ có thể được dùng trong các tình huống thân thiện.

B. Với dấu nhấn mạnh đặt vào từ trọng tâm của câu, might có thể diễn đạt lời yêu cầu có vẻ trách móc:

You might help me với dấu nhấn ở help có thể có nghĩa (Tại sao cậu không giúp tôi?/ Cậu phải giúp tôi mới được)

C. Might cũng có thể được dùng với các ngôi khác để diễn tả sự bức

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

mình: He might pay us! (Nó phải trả tiền cho bọn ta mới được!), với dấu nhấn ở pay có thể có nghĩa “Bọn ta bực mình vì nó không trả tiền”.

D. Might + nguyên mẫu hoàn thành có thể diễn đạt sự bực tức hoặc trách móc vì hành động không được thực hiện trong quá khứ: You might have told us (Lẽ ra anh ta phải cho chúng tôi biết chứ), với dấu nhấn ở 'told có thể có nghĩa “Anh đúng lý nên bảo cho chúng tôi biết”.

6. Lời mời (invitations).

A. Will you have/ would you like + danh từ:

Will you have a drink? (Anh uống một ly nhé?)

Would you like a coffee? (Anh uống cà phê chứ?)

Lưu ý rằng do you want không phải là lời mời (want và would like xem 296).

Trong lời nói gián tiếp, ta dùng offer + túc từ gián tiếp + danh từ:

She offered me a drink/ a coffee.

(Cô ấy mời tôi một ly/ một tách cà phê).

B. Will/ would/ could you? Would you like to?

Will you have lunch with me tomorrow?

(Ngày mai anh đi ăn trưa với tôi chứ?)

có thể dùng được, nhưng:

Would / could you have lunch with me? Hoặc Would you like to have lunch with me? – thường được dùng hơn.

Những lời mời này được nói gián tiếp bằng cấu trúc invite/ ask + túc từ trực tiếp + to + danh từ/ nguyên mẫu:

He invited me to lunch/ to have lunch with him.

(Anh ta mời tôi đi ăn trưa với anh ta).

C. Câu đáp lại lời mời

Các lời mời uống rượu/ hút thuốc/ v.v... thường được đáp lại: Yes, please hay No, thank you.

Lời mời với Would you/ could you/ would you like thường được đáp lại:

I'd like to very much/ I'd love to. (Tôi rất thích).

hoặc: I'd like to very much but I'm afraid I can't.

(Tôi rất thích nhưng tôi e không thể được).

Wouldn't like tất nhiên là không thể dùng được.

Một lời mời và đáp lại có thể được thuật lại như sau:

He invited us to dinner/ to a party/ to spend the weekend with him and we accepted/ but we refused/ but we had to refuse because... (Anh ta mời chúng tôi đi ăn tối/ dự tiệc/ đi chơi cuối tuần với anh ta và chúng tôi đã nhận lời/ nhưng chúng tôi đã từ chối/ nhưng chúng tôi đã phải từ chối vì...)

D. Khi người nói không thực sự mong chờ lời mời của mình được chấp nhận, anh ta có thể nói:

You wouldn't like another drink, would you?

(Anh không muốn uống nữa, phải không?)

You wouldn't like to come with me, would you?

(Em không muốn đi với anh phải không?)

7. Các dạng lời khuyên

A. Must, ought to và should có thể dùng cho lời khuyên:

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

You must read this book. It's marvellous.

(Em phải đọc cuốn sách này. Nó tuyệt lắm)

You must grow your own vegetables.

(Anh phải tự trồng lấy rau của mình)

You ought to plant some trees. (Anh phải trồng một số cây)

Trong lời nói gián tiếp must, ought to và should ở đây có thể không đổi hoặc được thuật lại bởi cấu trúc advise+ túc từ:

He advised me to plant trees. (Ông ấy khuyên tôi trồng cây)

B. You had better + nguyên mẫu không có to

You'd better take off your wet shoe.

(Cậu nên cởi đôi giày ướt của cậu ra đi)

You better not wait any longer

(Anh không nên đợi lâu hơn nữa)

Had better có thể dùng với ngôi thứ ba

He'd better stop taking those pills.

(Anh ta nên ngưng uống mấy viên thuốc đó)

C. If I were you should/ would:

If I were you I'd buy a car (Nếu tôi là anh tôi sẽ mua một chiếc xe)

Câu này thường được viết ngắn và I should/would có một dấu nhấn nhẹ lên I:

I'd buy a car. (Tôi sẽ mua một chiếc xe hơi)

Trong lời gián tiếp bởi cấu trúc advise + túc từ :

He advised me to buy a car .(Anh ta khuyên tôi nên mua một chiếc xe)

D.I advise/ would advise you + nguyên mẫu.

I (would) advise you to apply at once.

(Tôi khuyên anh nên nộp đơn xin nghỉ ngay đi)

Hoặc I advise/ would advise + danh động từ:

I'd advise applying at once

(Tôi khuyên cậu nộp đơn ngay đi)

E.Why don't you...? Có thể là lời khuyên hoặc lời gợi ý.

Why don't you learn to play your guitar?

(Tại sao cậu không học chơi ghi ta?)

Why don't you take a holiday?

(Tại sao anh không nghỉ một ngày?)

Khi đây là lời khuyên, nó được thuật lại bởi cấu trúc advise + túc từ:

He advised me to take a holiday

(Anh ta khuyên tôi nên nghỉ một ngày)

F.It is time you + thì quá khứ:

It is time you bought a new coat

(Đến lúc cậu phải mua một cái áo khoác mới)

He said it was time I bought a new coat.

(Anh ta nói đã đến lúc tôi phải mua một cái áo khoác mới)

8. Lời khuyên với may/might as well + nguyên mẫu.

Cấu trúc này có thể diễn đạt được lời khuyên bình thường, không nhấn mạnh:

You may/might as well ask him. (Anh có thể hỏi anh ta) = It would do no harm to ask him, (Hỏi anh ta không có hại gì đâu)

She said I might as well ask him

(Cô ấy nói tôi có thể hỏi anh ấy)

Cấu trúc này có thể được dùng với ngôi thứ ba

He may as well come with me. (Anh ta có thể đến với tôi)

Và ngôi thứ nhất:

As there isn't anything more to do, I may as well go home early

(Vì không còn gì nữa để làm, tôi có thể về nhà sớm được rồi)

9. Lời gợi ý.

A. Lời gợi ý thứ nhất với let's hoặc shall I/ we

- Let's + nguyên mẫu:

Let's paint it ourselves. (chúng ta hãy tự sơn lấy)

- Đôi khi ta thêm shall we vào:

Let's get the paint toady, shall we?

(Hôm nay, chúng ta mua sơn thôi, được chứ?)

- Shall I/ we + nguyên mẫu:

Shall we invite Bill? (Ta mời Bill chứ?)

Lời gợi ý với let's hoặc shall we có thể được đáp lại khẳng định bằng yes, let's

Let's not có thể được dùng như một câu trả lời có tính chất đùa cợt:

Let's take the tent- let's not!

(Ta hãy lấy lều đi-không đừng lấy mà)

Hoặc nó có thể mở đầu một lời gợi ý phủ định:

Let's not start too early (chúng ta đừng có bắt đầu sớm quá)

B. Lời gợi ý ở ngôi thứ nhất và thứ hai:

- Why don't we/ you + nguyên mẫu hoặc why not + nguyên mẫu/ thành ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn:

Why don't we meet and discuss it?

(Tại sao ta không họp bàn về nó?)

Where shall we meet?--- why not here?/ why not at the hotel? (Ta sẽ gặp nhau ở đâu đây? Tại sao không ở đây/tại sao không ở khách sạn?)

Trong tiếng anh thông tục ta cũng có thể dùng what's wrong with/ what's the matter with + danh từ:

What's wrong with the hotel? (Tại khách sạn thì có việc gì?)

What/how about + danh từ/ danh động từ:

Where shall we sleep? (Chúng tôi sẽ ngủ ở đâu đây?)

What about renting a caravan?

(Thế thuê một nhà lưu động (do xe kéo) thì sao?)

What about a bed and breakfast place?

(Thế một chỗ ngủ và ăn sáng thì sao?)

Suppose I/ We / you + thì hiện tại/ quá khứ.:

Suppose you offer/ offered to pay him?

(Giả như anh đề nghị trả tiền cho anh ta?)

C. Lời gợi ý ngôi thứ I, II, hoặc III với suggest/ propose

Khóa Luyện thi Đại học môn Tiếng Anh – Cô Vũ Mai Phương

Suggest + (tính từ sở hữu) + danh động từ hoặc suggest that + chủ từ + thì hiện tại / should.

Propose được dùng giống như vậy nhưng hơi trang trọng hơn suggest.

ở thể chủ động, cấu trúc suggest + should + nguyên mẫu trang trọng hơn cấu trúc suggest + một thì hiện tại hay quá khứ.

I suggest (your) selling it. (Tôi đề nghị anh bán nó đi)

I suggest that you should sell it (trang trọng)

I propose that the secretary send in / should send in a report.

(Tôi đề nghị cô thư ký nên gửi một bản báo cáo vào)

I propose that the report (should) be sent in.

(Tôi đề nghị nên gửi một bản báo cáo vào)

ở thể bị động ta nên dùng that... should. Với should be trong tiếng anh trang trọng ta lược bỏ should và chỉ giữ có be như câu cuối cùng ở trên.

D. Lời gợi ý trong lời nói gián tiếp.

Lời gợi ý có thể được thuật lại bằng:

Suggest (ed) + tính từ sở hữu + danh động từ hoặc suggest that + chủ ngữ + thì hiện tại/ should hoặc suggest that + chủ từ+ thì quá khứ / should hoặc suggest (bất cứ thì nào) + danh từ / đại từ.

Tom suggest / suggested (our) having a meeting.

(Tom gợi ý chúng ta nên gặp nhau)

Ann suggest that he sell / should sell his house.

(Ann gợi ý rằng anh ta nên bán nhà)

Ann suggest that he sold / should sell it. (Ann đã gợi ý...)

Mr. Jones suggested a meeting. (Ông Jones đề nghị một cuộc họp)